

Số: 40/2020/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; nơi ĐKKTT: Thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/6/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Ngô Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Văn L trực tiếp nuôi 03 con chung là Ngô Phương A (con gái), sinh ngày 19/7/2014, Ngô Thành Đ (con trai), sinh ngày

04/5/2016, Ngô Thị Hải B (con gái), sinh ngày 29/12/2018, cho đến khi các con đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ đóng góp cho anh Ngô Văn L tiền cấp dưỡng cho con là Ngô Thị Hải B với mức cấp dưỡng một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng, cho đến khi cháu Ngô Thị Hải B đủ 18 tuổi; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng cả hai khoản tiền án phí chị M phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 03515 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Mai Hồng

